

**BỘ CÔNG AN****BỘ CÔNG AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2010/TT-BCA

*Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2010***THÔNG TƯ****Quy định về đăng ký xe**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Bộ Công an quy định về đăng ký xe như sau:

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số các loại xe cơ giới theo quy định của Luật Giao thông đường bộ chạy bằng xăng, dầu, điện, ga hoặc các nguồn nhiên liệu khác, bao gồm: ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, máy kéo; xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy và các loại xe có kết cấu tương tự; xe máy chuyên dùng của Công an sử dụng vào mục đích an ninh (gọi chung là đăng ký xe).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này áp dụng đối với Công an các đơn vị, địa phương; tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có trụ sở hoặc cư trú hợp pháp trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thông tư này không áp dụng đối với việc đăng ký các loại xe cơ giới của Quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng.

**Điều 3. Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện đăng ký xe**

1. Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt tổ chức đăng ký xe ô tô của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và người nước ngoài

làm việc trong cơ quan, tổ chức đó; ô tô của các cơ quan, tổ chức quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức đăng ký các loại xe sau đây (trừ các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Ô tô, máy kéo, rơ moóc, sơ mi rơ moóc; xe mô tô có dung tích xi lanh từ 175cm<sup>3</sup> trở lên hoặc xe có quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước và các loại xe có kết cấu tương tự của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, kể cả xe quân đội làm kinh tế có trụ sở hoặc cư trú tại địa phương;

b) Mô tô, xe gắn máy, xe máy điện, xe có kết cấu tương tự của cơ quan, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, của các dự án, tổ chức kinh tế liên doanh với nước ngoài tại địa phương và tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc cư trú tại quận, thành phố, thị xã nơi có trụ sở làm công tác đăng ký xe của Phòng Cảnh sát giao thông.

3. Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Công an cấp huyện) tổ chức đăng ký, cấp biển số xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện và xe có kết cấu tương tự các loại xe đó của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước có trụ sở hoặc cư trú tại địa phương mình (trừ đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

4. Trong trường hợp cần thiết, do yêu cầu thực tế tại các huyện biên giới, vùng sâu, vùng xa hoặc các địa phương có khó khăn về cơ sở vật chất, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau khi báo cáo và được sự đồng ý bằng văn bản của Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội, có thể quyết định giao Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức đăng ký xe theo cụm nhằm bảo đảm thuận tiện cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký xe.

#### **Điều 4. Thời hạn hoàn thành thủ tục đăng ký xe**

1. Cấp biển số xe ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe hợp lệ.

2. Trường hợp cấp, đổi lại giấy chứng nhận đăng ký xe; cấp hồ sơ sang tên di chuyển xe; cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe thì thời gian hoàn thành thủ tục không quá 2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Trường hợp đổi, cấp lại biển số xe thì thời gian hoàn thành thủ tục không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Trường hợp đăng ký tạm thời thì cấp giấy đăng ký xe và biển số xe tạm thời trong ngày.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan và cán bộ làm nhiệm vụ đăng ký xe**

1. Thực hiện đúng quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến công tác đăng ký xe. Nghiêm cấm quy định thêm các thủ tục đăng ký xe trái quy định tại Thông tư này.

2. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe phải kiểm tra, đối chiếu giữa hồ sơ với thực tế xe, nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, giải quyết đăng ký.

Trường hợp hồ sơ không bảo đảm thủ tục quy định thì phải hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần (ghi nội dung hướng dẫn vào phía sau giấy khai đăng ký xe) và chịu trách nhiệm về sự hướng dẫn đó.

### **Điều 6. Trách nhiệm của chủ xe**

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về đăng ký xe; có hồ sơ xe theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của xe và hồ sơ đăng ký xe; đưa xe đến cơ quan đăng ký xe để kiểm tra và nộp lệ phí đăng ký, cấp biển số xe theo quy định.

2. Ngay khi có quyết định điều chuyển, (thay đổi địa chỉ phải đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký), bán, cho, tặng xe, tổ chức, cá nhân bán, cho, tặng, điều chuyển phải gửi ngay Giấy báo theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký xe đó để theo dõi (qua đường bưu điện hoặc đến trực tiếp); trường hợp sang tên mô-tô khác huyện trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì đến cơ quan đăng ký xe nơi chủ xe cư trú hoặc có trụ sở để làm thủ tục sang tên xe.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày làm giấy tờ mua bán, cho, tặng, thừa kế xe, người mua hoặc bán xe phải đến cơ quan đăng ký xe làm thủ tục sang tên, di chuyển, thay đổi đăng ký xe.

4. Nghiêm cấm mọi hành vi giả mạo hồ sơ, đục xóa số máy, số khung để đăng ký xe.

## **Chương II**

### **THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, ĐỔI, THU HỒI GIẤY ĐĂNG KÝ VÀ BIỂN SỐ XE**

#### **Mục A**

#### **ĐĂNG KÝ, CẤP BIỂN SỐ XE**

### **Điều 7. Hồ sơ đăng ký xe**

1. *Giấy khai đăng ký xe*: Chủ xe có trách nhiệm ghi đầy đủ các nội dung quy định trong giấy khai đăng ký xe; ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu là cơ quan, tổ chức).

2. *Giấy tờ của chủ xe*:

2.1. Chủ xe là người Việt Nam, xuất trình một trong những giấy tờ sau:

2.1.1. Giấy chứng minh nhân dân. Trường hợp chưa được cấp Giấy chứng minh nhân dân hoặc nơi thường trú ghi trong Giấy chứng minh nhân dân không phù hợp với nơi đăng ký thường trú ghi trong giấy khai đăng ký xe thì xuất trình Sổ hộ khẩu.

2.1.2. Giấy giới thiệu của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác, kèm theo Giấy chứng minh Công an nhân dân; giấy chứng minh Quân đội nhân dân (theo quy định của Bộ Quốc phòng); trường hợp không có Giấy chứng minh Công an nhân dân, giấy chứng minh Quân đội nhân dân thì phải có giấy xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị công tác.

2.1.3. Thẻ học viên, sinh viên học theo hệ tập trung từ 2 năm trở lên của các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, học viện; giấy giới thiệu của nhà trường.

2.1.4. Chủ xe là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về sinh sống, làm việc tại Việt Nam, xuất trình Sổ tạm trú hoặc Sổ hộ khẩu và Hộ chiếu (còn giá trị sử dụng) hoặc giấy tờ khác có giá trị thay Hộ chiếu.

## 2.2. Chủ xe là người nước ngoài

2.2.1. Người nước ngoài làm việc trong các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, xuất trình Chứng minh thư ngoại giao hoặc Chứng minh thư công vụ (còn giá trị sử dụng), nộp giấy giới thiệu của Cục Lễ tân nhà nước hoặc Sở Ngoại vụ.

2.2.2. Người nước ngoài làm việc, sinh sống ở Việt Nam, xuất trình Hộ chiếu (còn giá trị sử dụng) hoặc giấy tờ khác có giá trị thay Hộ chiếu; Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú từ một năm trở lên và giấy phép lao động theo quy định, nộp giấy giới thiệu của tổ chức, cơ quan Việt Nam có thẩm quyền.

## 2.3. Chủ xe là cơ quan, tổ chức

2.3.1. Cơ quan, tổ chức Việt Nam, xuất trình Giấy chứng minh nhân dân của người đến đăng ký xe kèm theo giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức.

2.3.2. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam, xuất trình Chứng minh thư ngoại giao hoặc Chứng minh thư công vụ (còn giá trị sử dụng) của người đến đăng ký xe; nộp giấy giới thiệu của Cục Lễ tân nhà nước hoặc Sở Ngoại vụ.

2.3.3. Doanh nghiệp liên doanh hoặc doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, Văn phòng đại diện, doanh nghiệp nước ngoài trúng thầu tại Việt Nam, các tổ chức phi chính phủ, xuất trình giấy chứng minh nhân dân của người đến đăng ký xe và nộp giấy giới thiệu; trường hợp tổ chức đó không có giấy giới thiệu thì phải có giấy giới thiệu của cơ quan quản lý cấp trên.

2.4. Người được ủy quyền đến đăng ký xe phải xuất trình Giấy chứng minh nhân dân của mình; nộp giấy ủy quyền có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc xác nhận cơ quan, đơn vị công tác.

### 3. Giấy tờ của xe:

3.1. Chứng từ chuyển nhượng xe gồm một trong các giấy tờ sau đây:

3.1.1. Quyết định bán, cho, tặng hoặc hợp đồng mua bán theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật.

3.1.3. Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính.

3.1.4. Văn bản đồng ý cho bán xe của Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật (đối với xe Công an) của Bộ Tổng tham mưu (đối với xe Quân đội) được trang cấp bằng nguồn ngân sách nhà nước, khi bán ra dân sự phải có.

3.1.5. Văn bản đồng ý cho bán xe của Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị doanh nghiệp kèm theo hợp đồng mua bán và bản kê khai bàn giao tài sản đối với xe là tài sản của doanh nghiệp nhà nước được giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, khi đăng ký, sang tên chuyển nhượng phải có.

3.1.6. Quyết định phân bổ, điều động xe của Bộ Công an (xe được trang cấp) hoặc chứng từ mua bán (xe do các cơ quan, đơn vị tự mua sắm) đối với xe máy chuyên dùng phục vụ mục đích an ninh của Công an nhân dân.

3.1.7. Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân phải có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với chữ ký của người bán, cho, tặng xe hoặc có xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác.

### 3.2. Chứng từ lệ phí trước bạ xe

3.2.1. Biên lai hoặc giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước bằng tiền mặt hoặc séc qua kho bạc nhà nước (có xác nhận của kho bạc nhà nước đã nhận tiền) hoặc giấy ủy nhiệm chi qua ngân hàng nộp lệ phí trước bạ theo quy định của Bộ Tài chính; trường hợp nhiều xe chung một chứng từ lệ phí trước bạ thì mỗi xe đều phải có bản sao có công chứng, chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan đã cấp chứng từ lệ phí trước bạ đó.

3.2.2. Xe được miễn lệ phí trước bạ, chỉ cần tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (thay cho Biên lai hoặc giấy nộp lệ phí trước bạ).

### 3.3. Chứng từ nguồn gốc xe

3.3.1. Xe nhập khẩu theo hợp đồng thương mại, xe miễn thuế, xe chuyên dùng có thuế suất 0%, xe viện trợ dự án: Tờ khai nguồn gốc xe ô tô; xe gắn máy nhập khẩu (theo mẫu của Bộ Tài chính).

3.3.2. Xe nhập khẩu theo chế độ tạm nhập, tái xuất của các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật hoặc theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; xe của chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình dự án ODA ở Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được mời về nước làm việc: Giấy phép nhập khẩu xe của cơ quan Hải quan.

3.3.3. Xe nhập khẩu phi mậu dịch, xe là quà biếu, quà tặng hoặc xe nhập khẩu là tài sản di chuyển, xe viện trợ không hoàn lại, nhân đạo: Tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu phi mậu dịch theo quy định của Bộ Tài chính kèm theo biên lai thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu (theo quy định phải có) hoặc lệnh ghi thu, ghi chi hoặc giấy nộp tiền qua kho bạc hoặc chuyển khoản hoặc ủy nhiệm chi qua ngân hàng ghi rõ đã nộp thuế. Trường hợp không có Biên lai thuế thì phải có quyết định miễn thuế hoặc văn bản cho miễn thuế của cấp có thẩm quyền hoặc có giấy xác nhận hàng viện trợ theo quy định của Bộ Tài chính (thay thế cho biên lai thuế).

Xe có thuế suất bằng 0% thì chỉ cần Tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu phi mậu dịch theo quy định của Bộ Tài chính trong đó phải ghi nhãn hiệu xe và số máy, số khung.

3.3.4. Đối với romoóc, somi romoóc, máy kéo, xe máy điện, ô tô điện nhập khẩu: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (dùng cho đăng ký biển số) theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Trường hợp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu không ghi nhãn hiệu thì trong giấy đăng ký xe, tại mục số loại phải ghi tên nước sản xuất.

3.3.5. Xe sản xuất, lắp ráp: Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

3.3.6. Xe cải tạo: Giấy chứng nhận đăng ký xe (xe đã đăng ký) hoặc chứng từ nguồn gốc nhập khẩu (xe đã qua sử dụng) quy định tại điểm 3.3.1 khoản 3 Điều này, kèm theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải hoặc của Bộ Công an (đối với xe của lực lượng Công an nhân dân).

Trường hợp xe chỉ thay thế tổng thành máy, thân máy (Block) hoặc tổng thành khung thì chứng từ nguồn gốc phải có thêm Tờ khai hàng xuất, nhập khẩu kèm theo

bản kê khai chi tiết của tổng thành máy, tổng thành khung (bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp lệ). Trường hợp sử dụng tổng thành máy hoặc tổng thành khung sản xuất trong nước phải có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Trường hợp sử dụng tổng thành máy hoặc tổng thành khung của xe đã đăng ký, phải có thêm Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số (ghi rõ cấp cho tổng thành máy hoặc tổng thành khung).

Trường hợp sử dụng tổng thành máy, tổng thành khung bị tịch thu thì phải có thêm quyết định tịch thu của cấp có thẩm quyền kèm theo hóa đơn bán hàng tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định.

3.3.7. Xe xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước: Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền, kèm theo hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); Biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển).

3.3.8. Xe có quyết định xử lý vật chứng: Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án (bản chính cấp cho từng xe), kèm theo phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao (nếu là người bị hại). Trường hợp quyết định xử lý vật chứng tịch thu sung quỹ nhà nước phải có Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); Biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển).

3.3.9. Xe thuộc diện xử lý hàng tồn đọng kho ngoại quan: Chứng từ nguồn gốc nhập khẩu theo quy định từ điểm 3.3.1 đến điểm 3.3.4 khoản 3 Điều này, kèm theo Quyết định bán tài sản hàng tồn đọng kho ngoại quan của Hội đồng xử lý hàng tồn đọng kho ngoại quan theo quy định của Bộ Tài chính.

Riêng đối với xe thuộc danh mục cấm nhập khẩu theo quy định của Chính phủ phải có quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của Cục Hải quan (hồ sơ đăng ký theo quy định tại điểm 3.3.7 khoản 3 Điều này).

3.3.10. Xe thuộc diện xử lý hàng tồn đọng tại cảng biển

- Quyết định bán tài sản của Hội đồng xử lý hàng tồn đọng tại cảng biển do Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Tài chính ký;

- Trường hợp xe thuộc diện xử lý hàng tồn đọng bị tịch thu sung quỹ nhà nước thì chứng từ nguồn gốc thực hiện theo quy định tại điểm 3.3.7 khoản 3 Điều này.

**3.3.11. Xe thuộc diện phải truy thu thuế nhập khẩu**

- Xe đã đăng ký, nay phát hiện chứng từ nguồn gốc giả: Biên lai thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu (nếu có);

- Giấy chứng nhận đăng ký xe hoặc quyết định xử lý vật chứng hoặc kết luận bằng văn bản của cơ quan điều tra.

**3.3.12. Xe phải truy thu thêm thuế nhập khẩu:**

- Quyết định truy thu thuế của Cục Hải quan hoặc của Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Giấy nộp tiền thuế nhập khẩu vào ngân sách nhà nước.

- Hồ sơ gốc của xe.

**3.3.13. Xe dự trữ quốc gia:** Lệnh xuất bán hàng dự trữ quốc gia của Cục Dự trữ quốc gia; trường hợp nhiều xe chung một lệnh xuất bán thì phải sao cho mỗi xe một lệnh (bản sao phải có xác nhận của Cục Dự trữ quốc gia), kèm theo Tờ khai nguồn gốc nhập khẩu xe hoặc giấy xác nhận của Tổng cục Hải quan (mỗi xe 1 bản chính) ghi rõ nhãn hiệu, số máy, số khung.

4. Trường hợp các Bộ, ngành thay đổi các biểu mẫu về chứng từ nhập khẩu, chứng từ thuế và các loại giấy tờ khác có liên quan đến công tác đăng ký xe quy định tại điểm 3.3 khoản 3 Điều này thì giao cho Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt có trách nhiệm thông báo để cơ quan đăng ký xe quy định tại Điều 3 Thông tư này thực hiện.

**Mục B****ĐĂNG KÝ SANG TÊN, DI CHUYỂN XE**

**Điều 8. Đăng ký sang tên xe trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trong Thông tư này gọi chung là tỉnh)**

1. Chủ xe phải xuất trình giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.
2. Giấy khai đăng ký xe.
3. Giấy chứng nhận đăng ký xe.
4. Chứng từ chuyên nhượng xe theo quy định tại điểm 3.1 khoản 3 Điều 7 Thông tư này.
5. Chứng từ lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 7 Thông tư này.

6. Đăng ký sang tên thì giữ nguyên biển số cũ (trừ biển loại 3 số hoặc 4 số thì cấp đổi sang biển 5 số theo quy định) và cấp giấy chứng nhận đăng ký xe cho chủ xe mới.

**Điều 9. Đăng ký xe sang tên, di chuyển xe từ tỉnh khác chuyển đến**

1. Chủ xe phải xuất trình giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.
2. Giấy khai đăng ký xe.
3. Chứng từ lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 7 Thông tư này.
4. Giấy khai sang tên và phiếu sang tên di chuyển kèm theo chứng từ chuyển nhượng quy định tại điểm 3.1 khoản 3 Điều 7 Thông tư này và hồ sơ gốc của xe theo quy định.

**Điều 10. Thủ tục, hồ sơ sang tên, di chuyển xe từ tỉnh này sang tỉnh khác**

1. Người mua hoặc người bán xe phải xuất trình giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này (không phải đưa xe đến kiểm tra).
2. Giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe.
3. Hai giấy khai sang tên di chuyển.
4. Chứng từ chuyển nhượng xe theo quy định tại điểm 3.1 khoản 3 Điều 7 Thông tư này. Trường hợp di chuyển nguyên chủ đi tỉnh khác, phải có quyết định điều động công tác hoặc Sổ hộ khẩu thay cho chứng từ chuyển nhượng xe.

**Mục C**

**ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ XE, BIỂN SỐ XE**

**Điều 11. Đổi lại giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe**

1. Các trường hợp phải đổi lại giấy chứng nhận đăng ký xe: Xe cải tạo, xe thay đổi màu sơn; gia hạn giấy chứng nhận đăng ký xe có thời hạn; giấy chứng nhận đăng ký xe bị mờ, rách nát hoặc xe thuộc tài sản chung của vợ chồng đã đăng ký đứng tên một người, nay có nhu cầu đăng ký xe là tài sản chung của hai vợ chồng.
2. Các trường hợp phải đổi lại biển số xe: Biển số bị mờ, gãy, hỏng.
3. Thủ tục đổi lại giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe
  - 3.1. Giấy khai đăng ký xe.

3.2. Các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

3.3. Nộp lại giấy chứng nhận đăng ký xe (trường hợp đổi giấy chứng nhận đăng ký) hoặc biển số xe (trường hợp đổi biển số xe).

Trường hợp gia hạn chứng nhận đăng ký xe của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và nhân viên nước ngoài, phải có thêm giấy giới thiệu của Cục Lễ tân nhà nước hoặc Sở Ngoại vụ.

Đối với chủ xe là cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân, Quân đội nhân dân hoặc học sinh, sinh viên đã đăng ký xe theo địa chỉ cơ quan, trường học, nay xuất ngũ, chuyển công tác, ra trường thì được giải quyết đổi, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe theo địa chỉ thường trú hoặc tạm trú mới.

Khi làm thủ tục đổi lại giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe, không phải mang xe đến kiểm tra (trừ xe cải tạo, xe thay đổi màu sơn), nhưng chủ xe phải nộp lại bản cà số máy, số khung của xe theo quy định.

### **Điều 12. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bị mất**

1. Hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe bị mất bao gồm:

1.1. Các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

1.2. Giấy khai đăng ký xe.

2. Trường hợp xe bị mất biển số thì cấp lại theo số cũ, nếu xe đang sử dụng biển 3 số hoặc 4 số thì cấp đổi sang biển 5 số theo quy định.

Trường hợp xe đã đăng ký, cấp biển số làm thủ tục sang tên, di chuyển đi địa phương khác, nay chủ xe đề nghị đăng ký lại nguyên chủ thì giải quyết đăng ký lại và giữ nguyên số biển số cũ; trường hợp biển số cũ là biển 3 số hoặc 4 số thì cấp đổi sang biển 5 số theo quy định.

## **Mục D**

### **ĐĂNG KÝ XE TẠM THỜI**

#### **Điều 13. Các loại xe phải đăng ký tạm thời**

1. Ôtô; ô tô sát xi có buồng lái; ô tô tải không thùng; rơmoóc, somi rơmoóc; xe máy kéo nhập khẩu hoặc sản xuất lắp ráp lưu hành từ kho, cảng, nhà máy, đại lý bán xe đến nơi đăng ký hoặc về các đại lý, kho lưu trữ khác.

2. Xe mang biển số nước ngoài được cấp có thẩm quyền cho phép tạm nhập, tái xuất có thời hạn (trừ xe hoạt động ở khu vực biên giới có cửa khẩu): xe dự hội nghị,

hội chợ, thể dục thể thao, triển lãm, du lịch; xe quá cảnh; xe ô tô có tay lái bên phải (tay lái nghịch) được phép tham gia giao thông theo quy định của pháp luật.

3. Xe mới lắp ráp tại Việt Nam chạy thử nghiệm trên đường giao thông công cộng.

4. Ô tô có phiếu sang tên di chuyển đi địa phương khác.

5. Ô tô làm thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe để tái xuất về nước hoặc chuyển nhượng tại Việt Nam.

6. Xe được cơ quan có thẩm quyền cho phép vào Việt Nam để phục vụ hội nghị, hội chợ, thể dục thể thao, triển lãm.

7. Ô tô sát hạch, ô tô hoạt động trong phạm vi hạn chế (khi di chuyển ra ngoài khu vực hạn chế).

#### **Điều 14. Hồ sơ, giấy tờ đăng ký xe tạm thời**

1. Xe sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam

1.1. Giấy khai đăng ký xe.

1.2. Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của cơ sở sản xuất theo quy định.

1.3. Hóa đơn bán hàng hoặc phiếu xuất kho.

Trường hợp xe mới lắp ráp tại Việt Nam chạy thử nghiệm trên đường giao thông công cộng phải có văn bản phê duyệt thiết kế mẫu xe của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Xe nhập khẩu; tạm nhập tái xuất có thời hạn, quá cảnh

2.1. Giấy khai đăng ký xe.

2.2. Tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu hoặc bản kê khai chi tiết nhập xe.

Trường hợp xe đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu thì thủ tục đăng ký, cấp biển số tạm thời bao gồm các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này (trừ chứng từ lệ phí trước bạ).

3. Xe được cơ quan có thẩm quyền cho phép vào Việt Nam để phục vụ Hội nghị, hội chợ, triển lãm, thể dục thể thao, xe nước ngoài vào du lịch tại Việt Nam thì chỉ cần giấy đăng ký xe hoặc danh sách xe được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với xe sang tên di chuyển đi địa phương khác, xe làm thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số thì hồ sơ cấp đăng ký, biển tạm thời gồm Phiếu sang tên di chuyển hoặc Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe.

5. Xe ô tô của người nước ngoài, đăng ký ở nước ngoài có tay lái bên phải (tay lái nghịch) được phép tham gia giao thông theo quy định của pháp luật.

5.1. Giấy khai đăng ký xe.

5.2. Văn bản cho phép tham gia giao thông tại Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ hoặc của Bộ, Ngành được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền.

6. Xe ô tô hoạt động trong phạm vi hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

6.1. Giấy khai đăng ký xe.

6.2. Bản chụp giấy chứng nhận đăng ký xe.

7. Khi đến làm thủ tục đăng ký cấp biển số tạm thời, chủ xe không phải mang xe đến kiểm tra nhưng phải nộp bản sao hồ sơ của xe (mang theo hồ sơ gốc để đối chiếu).

**Điều 15. Thời hạn có giá trị của giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời, nơi đăng ký xe tạm thời**

1. Giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời có giá trị trong thời hạn 15 ngày.

2. Xe phục vụ các hoạt động hội nghị, quảng cáo, hội chợ, triển lãm, thể thao và phục vụ các hoạt động hợp pháp khác thì thời hạn có giá trị của giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời được ghi theo thời hạn mà cơ quan có thẩm quyền cho phép vào Việt Nam để phục vụ các hoạt động đó.

3. Xe đăng ký tạm thời được phép tham gia giao thông theo thời hạn, tuyến đường và phạm vi hoạt động ghi trong giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời.

4. Để thuận tiện cho việc đăng ký tạm thời, chủ xe được đăng ký tại cơ quan đăng ký xe nơi gần nhất.

## **Mục E**

### **THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE, BIỂN SỐ XE**

**Điều 16. Trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe**

1. Xe hỏng không sử dụng được hoặc xe bị phá hủy do nguyên nhân khách quan.

2. Xe tháo máy, khung để thay thế cho xe khác.

3. Xe tạm nhập của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tái xuất hoặc chuyển nhượng tại Việt Nam.

4. Xe của dự án được miễn thuế nhập khẩu, nay chuyển nhượng sang mục đích khác.

5. Xe đăng ký tại các khu kinh tế - thương mại đặc biệt hoặc khu kinh tế cửa khẩu quốc tế theo quy định của Chính phủ khi tái xuất hoặc chuyển nhượng vào Việt Nam.

6. Xe bị mất cắp, chiếm đoạt không tìm được, chủ xe đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe.

7. Xe hết niên hạn sử dụng; xe không được phép lưu hành theo quy định của pháp luật.

**Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe**

1. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký, quản lý xe

1.1. Làm thủ tục cấp giấy chứng nhận thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cho những trường hợp quy định tại Điều 16 Thông tư này.

1.2. Căn cứ danh sách xe ô tô hết niên hạn sử dụng, xe không được phép lưu hành theo quy định của pháp luật do cơ quan đăng kiểm cung cấp, cơ quan thu hồi biển số xe phải rà soát, làm thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

1.3. Phối hợp với Công an xã, phường, thị trấn nơi chủ xe cư trú để thông báo, yêu cầu tổ chức, cá nhân có xe hết niên hạn sử dụng, xe công nông, xe tự chế 3, 4 bánh đến cơ quan Cảnh sát giao thông làm thủ tục thu hồi đăng ký, biển số xe. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo, nếu chủ xe không tự giác đến làm thủ tục thì phối hợp với Công an xã, phường, thị trấn thu hồi giấy đăng ký, biển số xe.

1.4. Thông báo danh sách xe hết niên hạn sử dụng cho Công an các đơn vị, địa phương làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông biết để phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Công an các đơn vị, địa phương và lực lượng chức năng làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

2.1. Thông qua công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, nếu phát hiện xe ô tô hết niên hạn sử dụng, xe công nông, xe 3, 4 bánh tự chế tham gia giao thông trên địa bàn, Công an các đơn vị, địa phương và các lực lượng khác làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông phải lập biên bản, đình chỉ lưu hành xe, tạm giữ giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe và xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho cơ quan Cảnh sát giao thông nơi đã đăng ký xe đó biết để làm thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

2.2. Trường hợp xe tai nạn giao thông bị phá hủy không sử dụng được thì cơ quan thụ lý giải quyết vụ tai nạn giao thông đó tạm giữ giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe và thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã đăng ký xe đó để làm thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

### **Điều 18. Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe**

1. Chủ xe tự khai giấy khai thu hồi đăng ký xe, biển số xe; không phải mang xe đến, nhưng phải nộp lại giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe; trường hợp xe bị mất cắp thì chỉ cần giấy khai thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe và giấy chứng nhận đăng ký xe (nếu còn).

2. Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền tạm giữ xe đã hết niên hạn sử dụng hoặc hết thời hạn lưu hành hoặc xe tai nạn bị phá hủy không sử dụng được; xe bị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thì thủ tục thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe chỉ cần công văn thông báo của cơ quan tạm giữ xe và biên bản vi phạm hành chính hoặc quyết định tạm giữ giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (kèm theo chứng nhận đăng ký xe, biển số xe).

Sau khi tiếp nhận đủ hồ sơ thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ quan thụ hồi giấy chứng nhận đăng ký xe có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký xe, biển số xe cho chủ xe.

## **Chương III**

### **GIẢI QUYẾT MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ**

#### **Điều 19. Các trường hợp liên quan đến số máy, số khung của xe**

##### **1. Xe nhập khẩu**

1.1. Xe không có số máy, số khung: trong tờ khai nguồn gốc nhập khẩu xe của Hải quan ghi không có hoặc chưa tìm thấy số máy, số khung thì cho đóng số theo số của biển số đăng ký; trường hợp tìm thấy số máy, số khung thì yêu cầu đến cơ quan Hải quan để xác nhận lại.

1.2. Xe có số máy, số khung ở Etekét, số ghi bằng sơn, số bị mờ, hoen gỉ thì được đóng lại theo số được cơ quan Hải quan xác nhận trong tờ khai nguồn gốc nhập khẩu của xe.

1.3. Xe được cơ quan Hải quan xác nhận có số khung, không có số máy mà chỉ có số VIN (ở kính phía trước của xe) thì lấy số VIN thay thế cho số máy, trường hợp

cơ quan Hải quan xác nhận chỉ có số VIN không có số khung, số máy thì cơ quan đăng ký xe chụp ảnh số VIN để lưu trong hồ sơ và lấy số VIN thay thế cho số khung, số máy.

1.4. Xe nhập khẩu bị đóng lại số máy, số khung thì không giải quyết đăng ký (trừ trường hợp có văn bản giải quyết của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ).

2. Xe sản xuất, lắp ráp trong nước

2.1. Xe có số máy, số khung đóng chập kim (lade) hoặc số đóng bị mờ, không rõ số thì được đóng lại số theo số ghi trong phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.

2.2. Xe có số máy, số khung bị đóng chong số thì phải trưng cầu giám định. Nếu cơ quan giám định kết luận xe bị đục lại số máy hoặc số khung thì không tiếp nhận đăng ký; trường hợp giám định kết luận số máy, số khung là nguyên thủy thì được đóng lại theo số ghi trong phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.

2.3. Xe có số khung, số máy bị lỗi kỹ thuật, sau đó tự đóng lại thì không giải quyết đăng ký.

3. Xe đã đăng ký, nếu thay thế máy mới hoặc thay thân máy (Block) mà chưa có số máy thì đóng số theo số biển số xe đăng ký.

4. Xe có quyết định tịch thu hoặc có quyết định xử lý vật chứng mà cơ quan giám định kết luận là xe có số máy, số khung bị đục, bị tẩy xóa hoặc không xác định được số khung, số máy nguyên thủy thì cho đóng lại số theo số của biển số xe.

5. Xe có quyết định tịch thu hoặc có quyết định xử lý vật chứng ghi có số máy số khung, nhưng quá trình bảo quản xe lâu ngày dẫn đến số máy hoặc số khung bị ăn mòn, bị mờ hoặc hoen gỉ thì cho đóng lại số theo số của biển số xe.

6. Xe bị cắt hàn cả số máy và số khung hoặc chỉ cắt hàn số máy hoặc số khung thì không giải quyết đăng ký.

7. Trong mọi trường hợp, việc đóng lại số máy, số khung đều phải do cơ quan đăng ký xe thực hiện.

### **Điều 20. Giải quyết một số vướng mắc khi sang tên, di chuyển xe**

1. Khi sang tên di chuyển, trong hồ sơ xe đăng ký từ 31/12/2005 trở về trước, nếu thiếu hóa đơn chuyển nhượng hoặc chuyển nhượng không liên tục thì hồ sơ được coi là hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Xe đã làm thủ tục sang tên, di chuyển sang địa phương khác nhưng chủ xe chưa đăng ký, lại bán tiếp cho chủ xe mới, nếu thủ tục mua bán và lệ phí trước bạ đúng quy định thì tiếp nhận giải quyết đăng ký và gửi thông báo cho địa phương di chuyển xe biết để điều chỉnh số đăng ký xe.

3. Xe mua bán, cho, tặng qua nhiều chủ trong cùng một tỉnh nhưng chưa làm thủ tục sang tên, sau đó người mua cuối cùng bán tiếp xe sang tỉnh khác thì người đứng tên trong giấy đăng ký xe hoặc người bán cuối cùng của tỉnh đó làm giấy khai sang tên di chuyển; nhưng chứng từ mua bán, cho, tặng xe phải đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

4. Xe tạm nhập; xe của dự án chưa hết hạn, chuyển nhượng tại Việt Nam; xe là quà biếu, cho, tặng

4.1. Chủ xe làm thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe tại cơ quan đăng ký xe, sau đó đến cơ quan Hải quan để làm thủ tục nhập khẩu theo quy định và nộp lại hồ sơ nhập khẩu cho cơ quan đăng ký xe để làm thủ tục sang tên, di chuyển.

4.2. Trường hợp xe chưa làm thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe, nhưng đã được cơ quan Hải quan truy thu thuế nhập khẩu hoặc cơ quan chức năng của Bộ Tài chính trả lời bằng văn bản không phải truy thu thuế thì được sang tên di chuyển và lưu văn bản vào hồ sơ xe.

5. Xe nhập khẩu được miễn thuế đã sử dụng trên 10 năm có thuế nhập khẩu bằng 0%; xe miễn thuế của Việt kiều hồi hương theo quy định của Bộ Tài chính được chuyển nhượng, sang tên di chuyển theo quy định tại Thông tư này.

6. Xe đã đăng ký (đứng tên cả hai vợ chồng hoặc chỉ đứng tên một người) mà người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe đã chết, mất tích (có giấy chứng tử hoặc Tòa án tuyên bố mất tích) nay có nhu cầu sang tên cho vợ hoặc chồng hoặc sang tên, di chuyển cho người khác, nếu không có tranh chấp thì giải quyết đăng ký.

7. Xe mô tô nhập khẩu trái phép, đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho nộp thuế công thương nghiệp, đã đăng ký từ ngày 31/12/1995 trở về trước, thì được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số xe.

8. Xe đã đăng ký, nay phát hiện giấy chứng nhận nguồn gốc nhập khẩu (giấy Hải quan) là giả mạo thì chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu Cơ quan điều tra có văn bản kết luận không phải là xe bị trộm cắp, chiếm đoạt trái phép thì cơ quan đăng ký xe chuyển giao cho Cục Hải quan hoặc Cục thuế địa phương truy thu thuế. Sau khi có chứng từ truy thu thuế thì giải quyết đăng ký.

9. Trường hợp khi làm thủ tục sang tên, di chuyển, phát hiện xe có giấy chứng nhận đăng ký xe giả hoặc bị tẩy xóa thì phải xác minh, làm rõ; đồng thời, thông báo

cho chủ xe đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe biết. Sau 30 kể từ ngày gửi thông báo mà chủ phương tiện không trả lời thì xử phạt vi phạm hành chính theo quy định, sau đó giải quyết sang tên, di chuyển. Trường hợp có gian lận hoặc có khiếu nại thì chuyển cơ quan điều tra giải quyết theo quy định của pháp luật.

10. Xe đã đăng ký từ ngày 31/12/1995 trở về trước, nay cà lại số máy, số khung thấy khác nét chữ, số, nhưng vẫn đúng với số máy, số khung lưu trong hồ sơ gốc, thì chủ xe phải viết cam đoan và được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số xe.

11. Xe mô tô đăng ký từ ngày 31/12/1995 trở về trước có đóng dấu “không bán, đổi, cho, tặng” trên giấy chứng nhận đăng ký xe, nay không có tranh chấp, khiếu kiện thì được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số xe.

Đối với xe mô tô hai bánh nhập khẩu trái phép nhưng đã được cơ quan Hải quan truy thu thuế và đã đăng ký thì được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số.

12. Xe cải tạo đã đăng ký từ ngày 04/6/1996 trở về trước, trong hồ sơ thiếu biên bản kiểm nghiệm kỹ thuật theo quy định của Thông tư liên bộ số 223/TT/LB ngày 07/12/1979 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Nội vụ thì được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số.

13. Xe lắp ráp tại Việt Nam đã đăng ký từ ngày 19/02/1998 trở về trước, nếu có bản sao giấy chứng nhận sản phẩm đầu tiên hoặc bản sao biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu theo quy định của Bộ Giao thông vận tải, thì được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số.

14. Hồ sơ xe đã đăng ký đúng quy định nhưng do sơ xuất, thiếu chữ ký của lãnh đạo phòng, đội, cán bộ đăng ký xe hoặc chưa đóng dấu trên giấy khai đăng ký xe hoặc giấy khai sang tên, di chuyển xe hoặc giấy chứng nhận đăng ký xe, chứng từ nhập khẩu có sai sót về địa chỉ, nhầm một số ký tự của số máy, số khung so với thực tế của xe hoặc thiếu bản sao biên lai thuế tiêu thụ đặc biệt (đối với xe quy định phải có) hoặc hồ sơ thiếu hóa đơn nội, thiếu bản chụp Giấy phép lái xe, biên lai lệ phí đăng ký, thiếu thủ tục cải tạo thùng xe nhưng đã được ngành Giao thông cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì đề xuất Trưởng phòng Phòng Hướng dẫn công tác đăng ký, quản lý phương tiện (xe đăng ký ở Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt) hoặc Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng Công an cấp huyện (xe đăng ký ở địa phương) cho tiếp nhận giải quyết đăng ký.

15. Đối với xe máy điện đã sử dụng trước ngày 01/7/2009 không có chứng từ nguồn gốc hoặc chứng từ chuyển nhượng không đảm bảo theo quy định, nếu chủ xe có cam kết (có xác nhận của chính quyền địa phương) thì được giải quyết đăng ký, cấp biển số.

16. Xe đã đăng ký là ô tô somi romoóc nay sang tên di chuyển hoặc xin tách hồ sơ thành: ô tô đầu kéo; romoóc; somi romoóc thì hồ sơ gốc và biển số của xe ô tô somi romoóc dùng đăng ký cho ô tô đầu kéo; bản sao hồ sơ gốc của xe ô tô somi romoóc có xác nhận của Phòng Cảnh sát giao thông dùng cho đăng ký romoóc, somi romoóc.

### **Điều 21. Giải quyết một số trường hợp cụ thể khác khi đăng ký, cấp biển số xe**

#### **1. Xe có quyết định bán đấu giá của cơ quan có thẩm quyền**

Xe có hồ sơ gốc hợp lệ, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu xe hợp pháp của người có xe bị xử lý tài sản thì giải quyết đăng ký. Trường hợp xe chưa rõ nguồn gốc hoặc không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu xe hợp pháp của người bị xử lý tài sản thì không tiếp nhận giải quyết đăng ký mà phải hướng dẫn chủ xe đến nơi đã ra quyết định bán đấu giá để giải quyết.

1.1. Xe do Cơ quan Thi hành án có quyết định bán đấu giá để bảo đảm thi hành án

Hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này và kèm theo:

a) Giấy chứng nhận đăng ký xe (đối với xe đã đăng ký). Trường hợp không thu hồi được đăng ký xe thì phải có công văn xác nhận của Cơ quan Thi hành án.

b) Bản sao quyết định của Tòa án hoặc trích lục bản án.

c) Quyết định thi hành án của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

d) Chứng từ thu tiền hoặc biên bản bàn giao tài sản.

1.2. Xe thế chấp do ngân hàng bán đấu giá để thu hồi nợ

Hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Trường hợp xe có tranh chấp, khởi kiện, xe là tài sản thi hành án, phải có thêm: Trích lục bản án hoặc sao bản án hoặc bản sao quyết định của Tòa án, Quyết định thi hành án của cơ quan Thi hành án và kèm theo:

a) Giấy chứng nhận đăng ký xe (đối với xe đã đăng ký). Trường hợp không thu hồi được giấy đăng ký xe thì phải có công văn xác nhận của cơ quan ngân hàng bán tài sản đề nghị (thay cho giấy chứng nhận đăng ký xe);

b) Bản sao hợp đồng tín dụng hoặc hợp đồng bảo đảm (do tổ chức tín dụng ký sao);

c) Hợp đồng mua bán tài sản hoặc hợp đồng chuyển nhượng tài sản hoặc biên bản nhận tài sản hoặc văn bản bán đấu giá tài sản (tùy từng trường hợp xử lý cụ thể);

d) Chứng từ thu tiền theo quy định của Bộ Tài chính;

đ) Trường hợp xe đã đăng ký ở địa phương khác, phải có thêm phiếu sang tên di chuyển kèm theo hồ sơ gốc của xe.

1.3. Xe có quyết định cưỡng chế kê biên của cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo việc thi hành thông báo tiền nợ và tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực Hải quan: Hồ sơ theo quy định tại các khoản 1, 2 và điểm 3.2 khoản 3 Điều 7 Thông tư này, kèm theo:

a) Chứng từ mua, bán, cho tặng xe; bản sao quyết định cưỡng chế hành chính bằng biện pháp kê biên tài sản để bán đấu giá, biên bản bán đấu giá tài sản của cơ quan Tài chính cấp huyện hoặc Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản cấp tỉnh và hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Tờ khai nguồn gốc xe ô tô nhập khẩu (bản sao liên 1 lưu tại cơ quan Hải quan).

2. Xe của Công ty cho thuê tài chính đăng ký theo địa chỉ có trụ sở hoạt động của bên thuê

2.1. Hồ sơ xe theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2.2. Công văn của Công ty cho thuê tài chính đề nghị đăng ký xe theo nơi cư trú hoặc đặt trụ sở hoạt động của bên thuê.

3. Các loại xe có kết cấu tương tự

3.1. Giấy tờ của xe thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

3.2. Trường hợp xe sản xuất hoặc tự cải tạo đã sử dụng trước 31/12/2008 có chứng từ nguồn gốc không bảo đảm theo quy định thì chủ xe phải có cam kết về nguồn gốc hợp lệ của xe được chính quyền địa phương xác nhận, kèm theo Biên bản kiểm tra của ngành Giao thông vận tải chứng nhận xe đủ điều kiện về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với máy kéo), Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với xe dùng cho người tàn tật).

4. Xe ô tô chuyên dùng thuê của nước ngoài

4.1. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm 3.2 khoản 3 Điều 7 Thông tư này.

- 4.2. Hợp đồng thuê.
- 4.3. Tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu theo quy định của Bộ Tài chính.
5. Xe các dự án viện trợ của nước ngoài khi hết hạn, bàn giao cho phía Việt Nam
  - 5.1. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm 3.2 khoản 3 Điều 7 Thông tư này và kèm theo Chứng nhận đăng ký xe; văn bản xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với xe đó (đối với các cơ quan trung ương là văn bản của Thủ trưởng cấp Bộ, đối với địa phương là văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản từ nhà tài trợ.
    - 5.2. Trường hợp xe viện trợ của dự án khi hết hạn, muốn bán phải có quyết định xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền.
  6. Xe đã đăng ký của dự án này bàn giao cho dự án khác để tiếp tục sử dụng
    - 6.1. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm 3.2 khoản 3 Điều 7 Thông tư này, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe.
    - 6.2. Văn bản bàn giao xe của chủ dự án nước ngoài.
    - 6.3. Công văn xác nhận hàng viện trợ của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại - Bộ Tài chính.
  7. Đối với xe viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo được sang tên di chuyển bình thường theo quy định của Thông tư này.
  8. Xe đã đăng ký nay có quyết định xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền thu hồi từ các dự án kết thúc và các tài sản nhà nước khác
    - 8.1. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm 3.2 khoản 3 Điều 7 Thông tư này và kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe.
    - 8.2. Quyết định xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền.
    - 8.3. Hóa đơn bán tài sản nhà nước do Bộ Tài chính phát hành trong trường hợp xử lý tài sản theo hình thức bán, thanh lý; Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản trong trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển.
  9. Xe đã đăng ký của các doanh nghiệp đã giải thể nay thanh lý tài sản
    - 9.1. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm 3.2 khoản 3 Điều 7 Thông tư này, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe.
    - 9.2. Quyết định giải thể của cấp có thẩm quyền.
    - 9.3. Chứng từ chuyển nhượng của cơ quan được ủy quyền giải quyết tài sản theo quy định hoặc cơ quan ra quyết định giải thể.

10. Xe đã đăng ký nay bị tai nạn, được cơ quan bảo hiểm thu hồi và đền bù 100%.

10.1. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm 3.2 khoản 3 Điều 7 Thông tư này, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe.

10.2. Giấy bàn giao xe của chủ phương tiện và giấy chứng nhận đăng ký xe.

10.3. Văn bản đền bù.

10.4. Hóa đơn của Bảo hiểm bán cho khách hàng.

11. Đăng ký và quản lý xe của các doanh nghiệp Quân đội làm kinh tế và xe Quân đội làm nhiệm vụ quốc phòng có nhu cầu cấp biển số dân sự, thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2004/TTLT-BCA-BQP ngày 01/11/2004 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

12. Xe bị mất chứng từ nguồn gốc

12.1. Xuất trình giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

12.2. Bản sao chứng từ nguồn gốc của xe nhập khẩu (theo quy định tại điểm 3.3 khoản 3 Điều 7 Thông tư này) có xác nhận của cơ quan đã cấp chứng từ đó. Riêng đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước thì cơ sở sản xuất phải cấp lại Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (hồ sơ đăng ký phải đầy đủ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này). Sau 30 ngày, nếu không phát hiện có vi phạm hoặc tranh chấp thì giải quyết đăng ký xe.

13. Xe là tài sản chung của vợ chồng

13.1. Chủ xe tự nguyện khai là tài sản chung của vợ chồng, phải ghi đầy đủ họ, tên và chữ ký của vợ, chồng trong giấy khai đăng ký xe; trường hợp xe thuộc tài sản chung của vợ chồng đã đăng ký đứng tên một người, nay có nhu cầu đăng ký xe là tài sản chung của hai vợ chồng thì phải tự khai giấy khai đăng ký xe, có chữ ký của hai vợ chồng; Cơ quan đăng ký xe thu lại giấy chứng nhận đăng ký xe cũ, cấp giấy chứng nhận đăng ký xe mới.

13.2. Xe của đồng sở hữu khi bán, cho, tặng phải có đủ chữ ký hoặc giấy ủy quyền bán thay của các chủ sở hữu.

14. Trường hợp xe cải tạo

14.1. Không giải quyết đăng ký xe ô tô khác cải tạo thành xe ô tô chở khách hoặc xe chuyên dùng chuyên đổi tính năng, công dụng trước 5 năm và xe đông lạnh chuyên đổi trước 3 năm (kể từ ngày nhập khẩu).

14.2. Không sử dụng tổng thành máy hoặc tổng thành khung thay thế cho xe khác đối với xe hết niên hạn sử dụng theo quy định của pháp luật, xe miễn thuế; xe tạm nhập, tái xuất của cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao hoặc miễn trừ lãnh sự.

15. Việc đăng ký xe tịch thu sung quỹ nhà nước, không phải có hồ sơ gốc, nhưng phải có quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc quyết định xử lý vật chứng là xe tịch thu (bản chính cấp cho từng xe), trong đó phải ghi rõ đặc điểm của xe như: nhãn hiệu, loại xe, số loại, số khung, số máy của xe, nếu không ghi đầy đủ thì không tiếp nhận đăng ký.

#### 16. Về hóa đơn

16.1. Xe đã bán qua nhiều tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp thì khi đăng ký chỉ cần bản chính hóa đơn do Bộ Tài chính phát hành của tổ chức, cơ quan doanh nghiệp bán cuối cùng; nếu nhiều xe chung một hóa đơn thì phải sao cho mỗi xe một hóa đơn, có công chứng, chứng thực hoặc xác nhận hợp lệ.

16.2. Xe của doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh phải có hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng hoặc hóa đơn tự in theo quy định của pháp luật; trường hợp mua xe thanh lý của các cơ quan hành chính sự nghiệp, phải có hóa đơn bán tài sản nhà nước; trường hợp mua xe là tài sản dự trữ quốc gia, phải có hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia; trường hợp xe tịch thu sung quỹ nhà nước, phải có hóa đơn bán hàng tịch thu sung quỹ nhà nước (bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hoặc xác nhận hợp lệ).

16.3. Trường hợp tổ chức, cá nhân góp vốn vào doanh nghiệp bằng xe cơ giới mà chứng từ của tài sản góp vốn là biên bản chứng nhận góp vốn hoặc biên bản giao nhận tài sản thì khi rút vốn, không cần hóa đơn mà chỉ cần có đủ chứng từ chứng minh xe đó là tài sản rút vốn khỏi doanh nghiệp như: biên bản rút vốn bằng tài sản là xe cơ giới, biên bản giao nhận tài sản; trường hợp góp vốn vào doanh nghiệp mà chứng từ của tài sản góp vốn bao gồm cả hóa đơn giá trị gia tăng và công ty đã kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng thì khi rút vốn, doanh nghiệp lập hóa đơn thuế giá trị gia tăng.

**Điều 22. Cấp phù hiệu kiểm soát cho xe ô tô mang biển số khu kinh tế - thương mại đặc biệt, khu kinh tế cửa khẩu quốc tế theo quy định của Chính phủ vào hoạt động trong nội địa**

#### 1. Thủ tục, hồ sơ

1.1. Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (còn giá trị) hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu.

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký xe.

1.3. Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập, tái xuất theo mẫu quy định của Bộ Tài chính do cơ quan Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

2. Cơ quan cấp phù hiệu kiểm soát (Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với danh sách xe đang quản lý, ghi vào sổ theo dõi và cấp phù hiệu kiểm soát ngay trong ngày.

3. Phù hiệu kiểm soát có thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày cấp. Phù hiệu được dán ở phía trong góc trên, bên phải kính trước của xe.

4. Giấy cấp phù hiệu kiểm soát xe và sổ theo dõi xe ô tô vào nội địa Việt Nam hoạt động phải được đánh số thứ tự từ 01 đến hết, đóng thành quyển và quản lý theo chế độ hồ sơ của Bộ Công an.

## Chương IV

### QUẢN LÝ HỒ SƠ, BIỂU MẪU, BIÊN SỐ XE VÀ THẨM QUYỀN KÝ CÁC GIẤY TỜ

#### **Điều 23. Quy định về các biểu mẫu**

Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu: Giấy báo bán, cho, tặng, điều chuyển xe (mẫu số 01); giấy khai đăng ký xe (mẫu số 02); giấy khai sang tên di chuyển xe (mẫu số 03); giấy cấp phù hiệu kiểm soát xe (mẫu số 04); sổ theo dõi xe ô tô khu kinh tế thương mại đặc biệt tạm nhập tái xuất (mẫu số 05); giấy khai thu hồi đăng ký, biên số xe (mẫu số 06); giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biên số xe (mẫu số 07); giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy và xe máy điện (mẫu số 08); giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và ô tô điện (mẫu số 09); giấy chứng nhận đăng ký romoóc, somi romoóc (mẫu số 10); giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời (mẫu số 11); giấy chứng nhận đăng ký máy kéo (mẫu số 12); giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận đăng ký romoóc, somi romoóc để sử dụng trong khu kinh tế thương mại đặc biệt hoặc khu kinh tế cửa khẩu quốc tế theo quy định của Chính phủ (các mẫu số 13, 14, 15).

Xe có kết cấu tương tự loại xe nào thì sử dụng mẫu giấy chứng nhận đăng ký xe của loại xe đó.

#### **Điều 24. Quản lý hồ sơ xe**

Hồ sơ đăng ký xe được quản lý theo chế độ hồ sơ của Bộ Công an. Dữ liệu thông tin của xe được thống nhất quản lý trên hệ thống máy vi tính. Định kỳ hàng tháng,

cơ quan đăng ký xe có trách nhiệm báo cáo số liệu đăng ký, quản lý xe về Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt để theo dõi, quản lý.

### **Điều 25. Thời hạn sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe**

1. Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và nhân viên nước ngoài làm việc trong các cơ quan, tổ chức đó, ghi thời hạn sử dụng theo thời hạn của giấy chứng minh ngoại giao, chứng minh công vụ hoặc theo giấy giới thiệu của Cục Lễ tân nhà nước.

2. Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe (kể cả xe sản xuất lắp ráp theo kết cấu tương tự, xe thí điểm) của tổ chức, cá nhân trong nước thì ghi theo niên hạn sử dụng của xe theo quy định của pháp luật.

### **Điều 26. Xác định năm sản xuất của xe**

Đối với xe nhập khẩu và xe được sản xuất, lắp ráp từ các ô tô sát xi hoặc ô tô hoàn chỉnh nhập khẩu thì chủ xe phải xuất trình giấy chứng nhận chất lượng (hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng) an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu của Cục Đăng kiểm Việt Nam để xác định năm sản xuất của xe; các trường hợp khác, năm sản xuất được xác định theo ký tự thứ 10 của số khung xe theo quy định của tiêu chuẩn hiện hành. Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt có trách nhiệm phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam sao gửi các quy định về tiêu chuẩn hiện hành để xác định năm sản xuất cho Cơ quan đăng ký xe thực hiện.

### **Điều 27. Quy định về biển số xe**

1. Về chất liệu của biển số: Biển số xe được sản xuất bằng kim loại, có sơn phản quang, ký hiệu bảo mật; đối với biển số xe đăng ký tạm thời được in trên giấy.

2. Ký hiệu, kích thước của chữ và số trên biển số đăng ký các loại xe thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 02, 03 và 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Biển số ô tô có 2 biển, 1 biển gắn phía trước và 1 biển gắn phía sau xe phù hợp với vị trí nơi thiết kế lắp biển số của xe; Biển số có 2 loại, kích thước như sau: Loại biển số dài có chiều cao 110 mm, chiều dài 470 mm; loại biển số ngắn có chiều cao 200 mm, chiều dài 280 mm.

3.1. Cách bố trí chữ và số trên biển số trong nước: Hai số đầu là ký hiệu địa phương đăng ký xe, tiếp theo là sê ri đăng ký (chữ cái); nhóm số thứ hai là thứ tự xe đăng ký gồm 05 chữ số tự nhiên từ 000.01 đến 999.99.

3.2. Biển số ô tô nước ngoài có nhóm thứ nhất là ký hiệu địa phương đăng ký xe; nhóm thứ hai là sê ri chỉ nhóm đối tượng là tổ chức, cá nhân nước ngoài:

Ký hiệu NG dùng cho chủ xe có thân phận ngoại giao, NN dùng cho chủ xe của người nước ngoài không có thân phận ngoại giao, QT dùng cho chủ xe của tổ chức quốc tế và nhân viên nước ngoài có thân phận ngoại giao làm việc cho các tổ chức đó; nhóm thứ ba là ký hiệu tên nước, tổ chức quốc tế và nhóm thứ tư là thứ tự xe đăng ký gồm 02 số tự nhiên từ 01 đến 99.

3.3. Biển số của romoóc, somi romoóc gồm 1 biển gắn phía sau thành xe, kích thước: Chiều cao 200 mm, chiều dài 280 mm; cách bố trí chữ và số trên biển số như biển số ô tô trong nước.

4. Biển số xe mô tô, gồm 1 biển gắn phía sau xe; kích thước: Chiều cao 140 mm, chiều dài 190 mm. Nhóm số thứ nhất là ký hiệu địa phương đăng ký xe và sê ri đăng ký. Nhóm số thứ hai là thứ tự xe đăng ký gồm 05 chữ số tự nhiên, từ 000.01 đến 999.99. Biển số xe mô tô của tổ chức, cá nhân nước ngoài, nhóm số thứ nhất là ký hiệu địa phương đăng ký xe, nhóm số hai là ký hiệu tên nước của chủ xe, nhóm số ba là sê ri đăng ký và nhóm số tư là thứ tự xe đăng ký gồm 03 chữ số tự nhiên từ 001 đến 999.

5. Biển số của máy kéo, xe máy điện, gồm 1 biển gắn phía sau xe; kích thước: Chiều cao 140 mm, chiều dài 190 mm. Nhóm số thứ nhất là ký hiệu địa phương đăng ký xe và sê ri đăng ký, nhóm số thứ hai là thứ tự xe đăng ký gồm 04 chữ số tự nhiên, từ 000.01 đến 999.99.

6. Biển số xe của tổ chức, cá nhân trong nước

6.1. Xe của các cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Công an nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội, xe của Ban quản lý dự án có chức năng quản lý nhà nước: Biển số nền màu xanh, chữ và số màu trắng; sê ri biển số sử dụng 10 chữ cái sau đây: A, B, C, D, E, F, G, H, K, L. Xe của đơn vị hành chính sự nghiệp, sự nghiệp công lập có thu: Biển số nền màu xanh, chữ và số màu trắng; sê ri biển số sử dụng 10 chữ cái: M, N, P, S, T, U, V, X, Y, Z.

6.2. Xe của doanh nghiệp, Ban quản lý dự án thuộc doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, xe của cá nhân: Biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen; sê ri biển số sử dụng 20 chữ cái: A, B, C, D, E, F, G, H, K, L, M, N, P, S, T, U, V, X, Y, Z.

6.3. Xe của khu kinh tế thương mại đặc biệt hoặc khu kinh tế cửa khẩu quốc tế theo quy định của Chính phủ có ký hiệu địa phương đăng ký và hai chữ cái viết tắt của khu kinh tế - thương mại đặc biệt; màu sắc biển số: nền biển màu vàng, chữ và số màu đỏ.

6.4. Xe chuyên dùng của lực lượng Công an nhân dân sử dụng vào mục đích an ninh: Biển số nền màu xanh, chữ và số màu trắng có ký hiệu “CD”.

6.5. Một số trường hợp có ký hiệu sê ri riêng:

- a) Xe Quân đội làm kinh tế có ký hiệu “KT”;
- b) Xe của các doanh nghiệp có vốn nước ngoài, xe thuê của nước ngoài, xe của Công ty nước ngoài trúng thầu có ký hiệu “LD”;
- c) Xe của các Ban quản lý dự án do nước ngoài đầu tư có ký hiệu “DA” ;
- d) Rơ moóc, somi romoóc có ký hiệu “R”;
- đ) Xe đăng ký tạm thời có ký hiệu “T” ;
- e) Máy kéo có ký hiệu “MK”;
- g) Xe máy điện có ký hiệu “MĐ”;
- h) Xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước, được Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai thí điểm có ký hiệu “TĐ”;
- i) Ôtô phạm vi hoạt động hạn chế có ký hiệu “HC”.
- k) Xe có kết cấu tương tự loại xe nào thì cấp biển số đăng ký của loại xe đó.

7. Biển số xe cơ quan, tổ chức và cá nhân nước ngoài

7.1. Xe của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và nhân viên nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, miễn trừ lãnh sự làm việc cho các cơ quan đó: biển số nền màu trắng, số màu đen; có sê ri ký hiệu “NG” màu đỏ. Riêng biển số xe của Đại sứ và Tổng Lãnh sự có thứ tự đăng ký là số 01 và thêm gạch màu đỏ đè ngang lên giữa các chữ số chỉ quốc tịch và thứ tự đăng ký.

7.2. Xe của cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và nhân viên nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, miễn trừ lãnh sự làm việc cho các tổ chức đó: biển số nền màu trắng, số màu đen; có sê ri ký hiệu “QT” màu đỏ. Riêng biển số xe của người đứng đầu cơ quan đại diện các tổ chức của Liên hợp quốc, có thêm gạch màu đỏ đè ngang lên giữa các chữ số chỉ ký hiệu xe của tổ chức quốc tế đó và thứ tự đăng ký.

7.3. Xe của tổ chức; văn phòng đại diện; cá nhân nước ngoài (kể cả lưu học sinh): biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen, có ký hiệu “NN”.

8. Việc sản xuất, cung cấp biển số xe được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan đăng ký xe. Các cơ sở sản xuất biển số, Công an các địa phương có điều kiện đầu tư dây chuyền sản xuất biển số xe và được Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội - Bộ Công an kiểm tra, nghiệm thu đạt tiêu chuẩn quy định thì

được phép sản xuất biển số xe. Biển số xe phải được quản lý chặt chẽ theo chế độ quy định.

**Điều 28. Quy định kẻ biển số, chữ trên thành xe, cửa xe ô tô**

Đối với các loại xe ô tô (trừ các loại xe ô tô có 09 chỗ ngồi trở xuống), chủ xe phải thực hiện các quy định như sau:

1. Kẻ biển số xe ở thành sau và hai bên thành xe.
2. Kẻ tên cơ quan, đơn vị và tải trọng, tự trọng vào hai bên cánh cửa xe (trừ xe của cá nhân).

**Điều 29. Thẩm quyền ký các loại giấy tờ**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt ký giấy chứng nhận đăng ký xe và các loại giấy tờ liên quan đến đăng ký, quản lý xe của các xe thuộc đối tượng đăng ký tại Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt.

2. Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh ký giấy chứng nhận đăng ký xe và các loại giấy tờ liên quan đến đăng ký, quản lý xe của các xe do Phòng mình trực tiếp tổ chức đăng ký.

3. Trưởng Công an cấp huyện ký giấy chứng nhận đăng ký xe và các loại giấy tờ liên quan đến đăng ký, quản lý xe của các xe do Công an cấp huyện trực tiếp tổ chức đăng ký.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 30. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2010 và thay thế các Thông tư của Bộ Công an: Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009 quy định việc cấp cấp, thu hồi đăng ký, biển số các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông tư số 12/2009/TT-BCA-C11 ngày 31/3/2009 quy định về việc tổ chức cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng của lực lượng Công an nhân dân; Thông tư số 17/2010/TT-BCA ngày 31/5/2010 quy định về biển số xe, biểu mẫu đăng ký, cấp biển số xe và việc cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe, quản lý xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ thí điểm sản xuất, lắp ráp trong nước.

**Điều 31. Trách nhiệm thi hành**

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Tổng cục trưởng các Tổng cục, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc nảy sinh, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội) để có hướng dẫn kịp thời./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Đại tướng Lê Hồng Anh**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 01

(BH theo TT số 36/2010/TT-BCA

ngày 12 tháng 10 năm 2010

của BCA)

..... ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY BÁO****BÁN, CHO, TẶNG, ĐIỀU CHUYỂN XE**

Kính gửi:.....(1).....

Chủ xe (chủ đứng tên đăng ký xe):.....

Địa chỉ.....

Có chiếc xe:.....

Biển số:..... Nhãn hiệu:.....

Loại xe:..... Màu sơn:.....

Số máy:..... Số khung:.....

Chiếc xe trên được bán, cho, tặng, điều chuyển xe cho:

Chủ xe (chủ mới).....

Địa chỉ.....

Số CMND; Hộ chiếu (nếu là cá nhân)..... cấp ngày...../...../..... Nơi cấp.....

Kể từ ngày..... tháng..... năm..... Chủ xe mới hoàn toàn chịu trách nhiệm pháp lý về việc sử dụng lưu hành xe theo quy định của pháp luật.

Vậy xin thông báo cho.....(1)..... được biết để người mua xe làm thủ tục đăng ký, sang tên, di chuyển xe theo quy định.

**CHỦ XE***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cơ quan)*

(1): Tên cơ quan đăng ký

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 02  
 (BH kèm theo Thông tư số  
 36/2010/TT-BCA  
 ngày 12 tháng 10 năm 2010  
 của Bộ Công an)

**GIẤY KHAI ĐĂNG KÝ XE (*Vehicle registration declaration*)**

**A. PHẦN CHỦ XE TỰ KÊ KHAI (*self declaration vehicle owner's*)**

Tên chủ xe (*Owner's full name*):.....

Địa chỉ (*Address*):.....

Số CMND/Hộ chiếu (*Identity Card No/Passport*):..... cấp ngày...../...../..... tại.....

Điện thoại (*phone number*)..... Loại tài sản (*ô tô/car, xe máy/motorcar*):.....

Nhãn hiệu (*Brand*):..... Số loại (*Model code*):.....

Loại xe (*Type*):...../..... Màu sơn (*color*):.....

Năm sản xuất (*Year of manufacture*):..... Dung tích (*Capacity*):..... cm<sup>3</sup>

Số máy (*Engine N<sup>o</sup>*):..... Số khung (*Chassis N<sup>o</sup>*):.....

Lý do: Cấp, đổi lại đăng ký, biển số (*Reason: issue, exchange, number plates, registration*)  
 .....

Tôi xin cam đoan về nội dung khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe (*I swear on the content declaration is correct and complely responsible before law for the vehicle documents in the file*).

....., ngày (*date*)..... tháng ..... năm.....

CHỦ XE (*Owner's full name*)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là xe cơ quan)

(*Signature, write full name.....*)

**B. PHẦN KIỂM TRA XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ XE:**

BIÊN SỐ CŨ:..... BIÊN SỐ MỚI:.....

Đăng ký mới  Đổi, cấp lại đăng ký, biển số  Đăng ký sang tên, di chuyển **DÁN BẢN CÀ SỐ MÁY SỐ KHUNG (ĐĂNG KÝ TẠM THỜI KHÔNG PHẢI DÁN)**

Nơi dán bản cà số máy

Nơi dán bản cà số khung

Kích thước bao: Dài..... m; Rộng..... m; Cao..... m

Tự trọng:..... kg; Kích cỡ lốp:.....

Tải trọng: - Hàng hóa:..... kg; Trọng lượng kéo theo:..... kg;

Kích thước thùng:..... mm Chiều dài cơ sở..... mm;

Số chỗ: ngồi....., đứng....., nằm.....;

**THỐNG KÊ CHỨNG TỪ ĐĂNG KÝ XE**

| TT | LOẠI CHỨNG TỪ | CƠ QUAN CẤP | SỐ CHỨNG TỪ | NGÀY CẤP |
|----|---------------|-------------|-------------|----------|
| 1  |               |             |             |          |
| 2  |               |             |             |          |
| 3  |               |             |             |          |
| 4  |               |             |             |          |

...(1)...  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ XE

(Ký, ghi rõ họ tên)

...(2)...

(Ký tên và đóng dấu)

(1) Ở Bộ ghi Trưởng phòng; ở tỉnh, TP trực  
thuộc Trung ương ghi Đội trưởng;

ở CA cấp Huyện ghi Đội trưởng;

(2) Ở Bộ ghi Cục trưởng; ở tỉnh, TP trực thuộc  
Trung ương ghi Trưởng phòng;

ở CA cấp huyện ghi Trưởng CA, quận, huyện,  
thị xã, TP.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03

(BH kèm theo Thông tư số

36/2010/TT-BCA

ngày 12 tháng 10 năm 2010

của Bộ Công an)

**GIẤY KHAI SANG TÊN, DI CHUYỂN***(Certificate moving vehicle title transfer)*

XE (Vehicle):..... BIÊN SỐ (Number Plate):.....

1- Tên chủ xe (Owner's full name):.....

2- Địa chỉ (Address): .....

3- Số CMND (Identity Card N<sup>o</sup>):..... cấp ngày...../...../..... tại.....

4- Có chiếc xe với đặc điểm sau (Characteristics of the vehicle):

Nhãn hiệu (Brand):..... Số loại (Model code):.....

Loại xe (Type): ..... Màu sơn (Color):.....

Số máy (Engine No):..... Số khung (Chassis No):.....

5- Nay sang tên cho chủ xe mới (Now to move the car to new vehicle owners).....

6- Địa chỉ (Address)

7- Lý do sang tên, di chuyển (điều động hoặc cho, tặng, thừa kế, mua lại) (reason for transfer):.....

8- Kèm theo giấy này có (attached documents).....

.....

.....

9- Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe (I bear full responsibility before law for the papers in the car records). Chủ xe mới hoàn toàn chịu trách nhiệm pháp lý về đăng ký và sử dụng lưu hành xe theo quy định của pháp luật; phải làm thủ tục sang tên, di chuyển trong vòng 30 ngày kể từ ngày bán, cho, tặng, điều chuyển (New vehicle owners bear full legal responsibility for the registration and use of the vehicle used in accordance with the law have procedures for transfer, to move within 30 days of sale, donation, transfer)

10- Đề nghị cơ quan đăng ký: (1).....  
 xem xét và làm thủ tục sang tên, di chuyển chiếc xe nói trên (*proposed vehicle registration agency considered and the procedures to name my car*).

CÁN BỘ LÀM THỦ TỤC  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng..... năm.....

CHỦ XE  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu  
 nếu là cơ quan)

(2)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

---

(1) Ở Bộ ghi Cục CSGTĐB-ĐS, ở tỉnh, Tp ghi Phòng CSGT...  
 ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Công an huyện...

(2) Ở Bộ ghi Cục trưởng, ở Tỉnh, Tp ghi Trưởng phòng,  
 ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Trưởng CA huyện, thị xã, TP.





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 06  
 (BH kèm theo Thông tư số  
 36/2010/TT-BCA  
 ngày 12 tháng 10 năm 2010  
 của Bộ Công an)

**GIẤY KHAI THU HỒI CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE**  
*Declaration paper to revoke certificate of licensen plate registratio*

XE (*vehicle*):..... BIỂN SỐ (*license plate*):.....

Tên chủ xe (*Owner's full name*):.....

Địa chỉ (*Address*):.....

..... Điện thoại (*phone number*):.....

Số CMND/Hộ chiếu (*Identity Card No/Passport*):..... cấp ngày...../...../..... tại

Đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số (*Proposal for revoking certificate of licensen plate registration*):.....

Nhãn hiệu (*Brand*):..... Số loại (*Model code*): .....

Loại xe (*Type*):..... Màu sơn (*color*):.....

Năm sản xuất (*Year of manufacture*):..... Dung tích (*Capacity*):..... cm<sup>3</sup>

Số máy (*Engine No*):..... Số khung (*Chassis No*):.....

Lý do thu hồi (*Reson for rovoke*):.....

Kèm theo giấy này có (*Accompanied with this paper*):.....

Đề nghị (*Proposal*):(1).....  
.....

Thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số và cấp giấy chứng nhận đã thu hồi đăng ký, biển số xe (*Revoked certificate of licensen plate registration and Certificate of revoked license plate registration*).....

....., ngày (*date*)..... tháng..... năm.....

CHỦ XE (*Owner's full name*)

(*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là xe cơ quan*)

---

(1) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS;

ở tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

ở CA cấp huyện ghi CA quận, huyện, thị xã, TP.

..... (1) ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 ..... (2) ..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 07  
 (BH kèm theo Thông  
 tư số 36/2010/TT-BCA  
 ngày 12/10/2010 của  
 Bộ Công an)

## GIẤY CHỨNG NHẬN THU HỒI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE

*Revoked certificate of license plate registration*

XE (*Vehicle*):..... BIỂN SỐ (*License plate*): .....

Theo đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe của: (3) .....

(4) ..... chứng nhận:

Tên chủ xe (*Owner's full name*):.....

.....

Địa chỉ (*Address*):.....

..... Điện thoại (*Phone number*):.....

Số CMND/Hộ chiếu (*Identity Card N0/Passport*):..... cấp ngày...../...../..... tại

.....

Đã thu hồi chứng nhận đăng ký, biển số xe (*Revoked certificate of license plate registration*):..... đăng ký ngày (*Date registration*):.....

### **Xe có đặc điểm dưới đây (*vehicle of particular*)**

Nhãn hiệu (*Brand*):..... Số loại (*Model code*):.....

Loại xe (*Type*):..... Màu sơn (*Color*): .....

Năm sản xuất (*Year of manufacture*):..... Dung tích (*Capacity*):..... cm<sup>3</sup>

Số máy (*Engine N<sup>o</sup>*):..... Số khung (*Chassis N0*):.....

Đã thu lại biển số xe (*license plate was revoked*); chứng nhận đăng ký xe  
 (*Registration Certificate*)

Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe không có giá trị để đăng ký xe  
 (*Certificate of license plate registration, license plate is not valid for vehicle registration*).

Khi nhượng, bán xe chủ xe phải đến cơ quan (5).....  
đang quản lý xe này để rút hồ sơ gốc làm thủ tục sang tên, đổi chủ. *(In case vehicle owner wants to sell the vehicle, come to vehicle managing agency to withdraw original documents to change the owner's name)*

Giấy chứng nhận này lập thành 02 bản *(This certificate is made into two copies)*

- 01 bản lưu giữ tại cơ quan *(one kept at the agency)*(6)

.....  
- 01 bản giao cho chủ phương tiện *(one handed to the owner)*

....., ngày (date)..... tháng..... năm.....

.....(7).....

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

(1) Ở Bộ ghi Bộ Công an; ở tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi CA tỉnh, TP;

(2) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS;

ở Tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Phòng Cảnh sát giao thông ;

ở CA cấp huyện ghi CA quận, huyện, thị xã, TP.

(3) Ghi tên chủ xe trong đăng ký xe;

(4)(5)(6) ở Bộ ghi Cục CSGT ĐB-ĐS; ở tỉnh, Tp trực thuộc TW ghi Phòng CSGT;

ở CA cấp huyện ghi CA quận, huyện, thị xã, TP.

(7) Ở Bộ ghi Cục trưởng; ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Trưởng phòng;

ở CA cấp huyện ghi Trưởng CA quận, huyện, thị xã, TP;

Mẫu số 08  
(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA  
ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an)

## CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔ TÔ, XE MÁY

1. Mặt trước

100 mm

|   |       |
|---|-------|
| <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/>Socialist Republic of Vietnam<br/>..... (1) .....<br/>..... (2) .....<br/>..... (3) .....<br/>..... (4) .....</p> <p><b>CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE<br/>MÔ TÔ, XE MÁY</b><br/>Motorbike Registration Certificate<br/><b>Số (Number):</b><br/>Mẫu số 08<br/>(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA<br/>ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an)</p> | 70 mm |
|---|-------|

2. Mặt sau:

100 mm

|  |   |       |
|--|---|-------|
| Tên chủ xe ( <i>Owner's full name</i> ):         | Số máy ( <i>Engine N<sup>o</sup></i> ):       | 70 mm |
| Địa chỉ ( <i>Address</i> ):                      | Số khung ( <i>Chassis N<sup>o</sup></i> ):    |       |
| Nhãn hiệu ( <i>Brand</i> ):                      | Số loại:                                      |       |
| Loại xe ( <i>Type</i> ):                         | ( <i>Model code</i> )                         |       |
| Màu sơn ( <i>Color</i> ):                        | Dung tích                                     |       |
| Số người được phép chở:                          | ( <i>Capacity</i> )                           |       |
| ( <i>Seat capacity</i> )                         |   |       |
| Nguồn gốc ( <i>resource</i> ):                   | .....(5)....., ngày ( <i>date</i> ) tháng năm |       |
| Biển số đăng ký<br>( <i>N<sup>o</sup>Plate</i> ) | .....(6).....                                 |       |
| Đăng ký lần đầu ngày: .....                      |   |       |
| <i>Date of first registration</i>                |   |       |

**Ghi chú:** Ký hiệu trong mẫu:

|  | <b>Ở TRUNG ƯƠNG</b>                           | <b>Ở ĐỊA PHƯƠNG</b>  |
|--|---|--|
| (1)  | BỘ CÔNG AN                                    | CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ + TÊN ĐỊA PHƯƠNG   |
| (2)  | Ministry of Public Security                   | Tên địa phương + Province's Public security<br>(Tên địa phương + city's Public security)                         |
| (3)  | CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG<br>ĐB-ĐS              | PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG;<br>CÔNG AN QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ, TP<br>TRỰC THUỘC TỈNH                                 |
| (4)  | Railway and Road Traffic<br>Police Department | The traffic police Division; Police Section<br>of district, towns and city levels directly<br>under the province |
| (5)  | HÀ NỘI  | TÊN ĐỊA PHƯƠNG   |
| (6)  | CỤC TRƯỞNG                                    | TRƯỞNG PHÒNG; TRƯỞNG CA QUẬN,<br>HUYỆN, THỊ XÃ, TP TRỰC THUỘC TỈNH   |
| <p><i>Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy kích thước 100 x 70 mm được in trên nền giấy màu xanh, hoa văn hình Công an hiệu</i></p> |   |  |

Mẫu số 09  
(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA  
ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an)

## CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE ÔTÔ

1. Mặt trước

120 mm

|  |       |
|--|-------|
| <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/>Socialist Republic of Vietnam<br/>..... (1) .....<br/>..... (2) .....<br/>..... (3) .....<br/>..... (4) .....</p> <p><b>CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE ÔTÔ</b><br/>Car Registration Certificate<br/><b>Số (Number):</b></p> <p>Mẫu số 09<br/>(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA<br/>ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an)</p> | 80 mm |
|--|-------|

2. Mặt sau:

120 mm

|   |  |                           |
|---|--|---------------------------|
| Tên chủ xe ( <i>Owner's full name</i> ):      | Số máy ( <i>Engine N<sup>o</sup></i> ):    |                           |
| Địa chỉ ( <i>Address</i> ):                   | Số khung ( <i>Chassis N<sup>o</sup></i> ): |                           |
| Nhãn hiệu ( <i>Brand</i> ):                   | Số loại: ( <i>Model code</i> )             |                           |
| Loại xe ( <i>Type</i> ):                      | Dung tích ( <i>Capacity</i> ):             |                           |
| Màu sơn ( <i>Color</i> ):                     | Chiều dài cơ sở ( <i>Wheel Formula</i> ):  | m                         |
| Năm sản xuất ( <i>Year of manufacture</i> ):  | Tự trọng ( <i>Empty weight</i> ):          |                           |
| Kích thước bao: -Dài ( <i>Length</i> ):       | m; Rộng ( <i>Width</i> ):                  | m; Cao ( <i>Height</i> ): |
| <i>Overall dimension</i>                      |  |                           |
| Kích thước thùng: - Dài ( <i>Length</i> ):    | m; Rộng( <i>Width</i> ):                   | m; Cao ( <i>Height</i> ): |
| Tải trọng: Hàng hóa:                          | kg; số chỗ ngồi ( <i>Sit</i> ):            | đứng ( <i>Stand</i> ):    |
| Kích cỡ lốp trước/sau ( <i>Tire size</i> ):   |  | nằm ( <i>Lie</i> ):       |
|   | Đăng ký xe có giá trị đến ngày             | tháng                     |
|   | <i>Valid until</i>                         | <i>date</i>               |
| Biển số đăng ký ( <i>N<sup>o</sup>Plate</i> ) | ....(5)...., ngày ( <i>date</i> )          | tháng                     |
|   |  | năm                       |
|   |  | .....(6).....             |
| Đăng ký lần đầu ngày:.....                    |  |                           |
| <i>Date of first registration</i>             |  |                           |

**Ghi chú:** Ký hiệu trong mẫu:

|     | <b>Ở TRUNG ƯƠNG</b>                        | <b>Ở ĐỊA PHƯƠNG</b>  |
|-----|--|--|
| (1) | BỘ CÔNG AN                                 | CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ + TÊN ĐỊA PHƯƠNG   |
| (2) | Ministry of Public Security                | Tên địa phương + Province's Public security<br>(Tên địa phương + city's Public security) |
| (3) | CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ĐB-ĐS              | PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG  |
| (4) | Railway and Road Traffic Police Department | The traffic police Division  |
| (5) | HÀ NỘI                                     | TÊN ĐỊA PHƯƠNG   |
| (6) | CỤC TRƯỞNG                                 | TRƯỞNG PHÒNG   |

*Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô kích thước 120 x 80 mm được in trên nền giấy màu xanh, hoa văn hình Công an hiệu*

Mẫu số 10  
(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA  
ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an)

## CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ RƠ MOỐC, SƠ MI RƠ MOỐC

1. Mặt trước: 100 mm

|  |       |
|--|-------|
| <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/>Socialist Republic of Vietnam</p> <p>..... (1) .....</p> <p>..... (2) .....</p> <p>..... (3) .....</p> <p>..... (4) .....</p> <p><b>CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ RƠ MOỐC,</b><br/><b>SƠ MI RƠ MOỐC</b></p> <p>Articulated vehicle Registration Certificate<br/>(Tractor + Semi-trailer)</p> <p><b>Số (Number):</b></p> <p>Mẫu số 10<br/>(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA<br/>ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an)</p> | 70 mm |
|--|-------|

2. Mặt sau: 100 mm

|   |  |       |
|---|--|-------|
| Tên chủ xe ( <i>Owner's full name</i> ):                | Số khung ( <i>Chassis N<sup>o</sup></i> ):                 | 70 mm |
| Địa chỉ ( <i>Address</i> ):                             | Năm sản xuất ( <i>Year of manufacture</i> ):               |       |
| Nhãn hiệu ( <i>Brand</i> ):                             | Màu sơn ( <i>Color</i> ):                                  |       |
| Số loại ( <i>Model code</i> ):                          |  |       |
| Kích thước bao: - Dài ( <i>Length</i> ): m              |  |       |
| ( <i>Overall dimension</i> ) - Rộng ( <i>Width</i> ): m |  |       |
| - Cao ( <i>Height</i> ): m                              |  |       |
| Tải trọng: kg   |  |       |
| ( <i>Gross weight</i> )                                 |  |       |
| Kích cỡ lốp trước/sau ( <i>Tire size</i> ):             |  |       |
| Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm                |  |       |
| <i>Valid until date</i>                                 |  |       |
| Biển số đăng ký<br>( <i>N<sup>o</sup>Plate</i> )        | ...(5)...., ngày ( <i>date</i> ) tháng năm<br>.....(6).... |       |
| Đăng ký lần đầu ngày:.....                              |  |       |
| <i>Date of first registration</i>                       |  |       |

**Ghi chú:** Ký hiệu trong mẫu:

|  | <b>Ở TRUNG ƯƠNG</b>                           | <b>Ở ĐỊA PHƯƠNG</b>  |
|--|---|--|
| (1)  | BỘ CÔNG AN                                    | CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ +<br>TÊN ĐỊA PHƯƠNG  |
| (2)  | Ministry of Public Security                   | Tên địa phương + Province's Public<br>security<br>(Tên địa phương + city's Public<br>security) |
| (3)  | CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG<br>ĐB-ĐS              | PHÒNG CẢNH SÁT GIAO<br>THÔNG   |
| (4)  | Railway and Road Traffic Police<br>Department | The traffic police Division  |
| (5)  | HÀ NỘI  | TÊN ĐỊA PHƯƠNG   |
| (6)  | CỤC TRƯỞNG                                    | TRƯỞNG PHÒNG   |
| <p><i>Chứng nhận đăng ký xe romoóc, somi romoóc kích thước 100 x 70 mm được in trên nền giấy màu xanh, hoa văn hình Công an hiệu</i></p> |   |  |

Mẫu số 11  
(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA  
ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an)  
**CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE TẠM THỜI**

1. Mặt trước

100 mm

|   |   |  |       |
|---|---|--|-------|
| ... (1)...  | <b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> |  | 70 mm |
| ... (2) ...   | <b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b> |  |       |
| <b>CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE TẠM THỜI</b><br>(Temporary vehicle registration) |   |  | 70 mm |
| <b>Số (Number):</b>   |   |  |       |
| Tên chủ xe ( <i>Owner's full name</i> ):                                  |   |  |       |
| Địa chỉ ( <i>Address</i> ):   |   |  |       |
| Nhãn hiệu ( <i>Brand</i> ):   | Số loại ( <i>Model code</i> ):            |  |       |
| Loại xe ( <i>Type</i> ):  | Màu sơn ( <i>color</i> ):                 |  |       |
| Số máy ( <i>Engine No</i> ):  | Số khung ( <i>Chassis No</i> ):           |  |       |
| Số chỗ ngồi ( <i>Seat capacity</i> ):                                     | (cả lái, phụ xe)                          |  |       |
| Được phép đi từ ( <i>allowed to go from</i> ) đến ( <i>to</i> )           |   |  |       |
| ....., ngày ( <i>date</i> )..... tháng..... năm.....                      |   |  |       |
| Biển số ( <i>number plates</i> )  | ..... (3) .....                           |  |       |
| Có giá trị đến  |   |  |       |
| hết ngày ( <i>is valid until</i> ).....                                   |   |  |       |

2. Mặt sau:

100 mm

|   |       |
|---|-------|
| <p>Mẫu số 11<br/>(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA<br/>ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an)</p> <p><b>CHÚ Ý (Notice)</b><br/>Phải nghiêm chỉnh chấp hành Luật Giao thông đường bộ<br/>(Must obey the road traffic law)</p> | 70 mm |
|---|-------|

(1) Ở Bộ ghi Bộ Công an;

ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi CA tỉnh, TP;

(2) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS;

ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

ở CA cấp huyện ghi Công an quận, huyện, thị xã, TP.

(3) Ở Bộ ghi Cục trưởng; ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ghi Trưởng phòng;

ở CA cấp huyện ghi Trưởng Công an quận, huyện, thị xã, TP.

Chứng nhận đăng ký xe tạm thời kích thước 100 x 70 mm được in trên nền màu vàng, hoa văn hình Công an hiệu.

Mẫu số 12

(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA  
ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an)**CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MÁY KÉO**

1. Mặt trước

100 mm

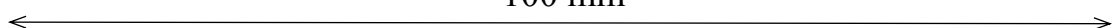


|   |  |
|---|--|
| <b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br>Socialist Republic of Vietnam                        |  |
| ..... (1) .....   |  |
| ..... (2) .....   |  |
| ..... (3) .....   |  |
| ..... (4) .....   |  |
| <b>CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MÁY KÉO</b><br>Certificate of tractor Registration                          |  |
| Số (Number):  |  |
| Mẫu số 12<br>(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA<br>ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an) |  |

70 mm

2. Mặt sau:

100 mm



|   |  |
|---|--|
| Tên chủ xe ( <i>Owner's full name</i> ):  | Số máy ( <i>Engine N<sup>o</sup></i> ):                      |
| Địa chỉ ( <i>Address</i> ):   | Số khung ( <i>Chassis N<sup>o</sup></i> ):                   |
| Nhãn hiệu ( <i>Brand</i> ):   | Số loại ( <i>Model code</i> ):                               |
| Loại xe ( <i>Type</i> ):  | Dung tích ( <i>Capacity</i> ):                               |
| Màu sơn ( <i>Color</i> ):   | Chiều dài cơ sở ( <i>Wheel Formula</i> ): mm                 |
| Năm sản xuất ( <i>Year of manufacture</i> ):  | Tự trọng ( <i>Empty weight</i> ):                            |
| Kích thước bao: -Dài ( <i>Length</i> ): m; Rộng ( <i>Width</i> ): m; Cao ( <i>Height</i> ): m   |  |
| <i>Overall dimension</i>  |  |
| Tải trọng: Số chỗ ngồi ( <i>Sit</i> ): đứng ( <i>Stand</i> ): năm ( <i>Lie</i> ): Hàng hóa: kg  |  |
| Kích thước thùng: - Dài ( <i>Length</i> ): m; Rộng ( <i>Width</i> ): ; Cao ( <i>Height</i> ): m |  |
| Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm  |  |
| <i>Valid until date</i>   |  |
| Biển số đăng ký<br>( <i>N<sup>o</sup>Plate</i> )  | ....(5)...., ngày ( <i>date</i> ) tháng năm<br>.....(6)..... |
| Đăng ký lần đầu ngày:.....<br><i>Date of first registration</i>                                 |  |

70 mm

**Ghi chú:** Ký hiệu trong mẫu:

|   | <b>Ở TRUNG ƯƠNG</b>                        | <b>Ở ĐỊA PHƯƠNG</b>  |
|---|--|--|
| (1)   | BỘ CÔNG AN                                 | CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ + TÊN ĐỊA PHƯƠNG   |
| (2)   | Ministry of Public Security                | Tên địa phương + Province's Public security<br>(Tên địa phương + city's Public security) |
| (3)   | CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ĐB-ĐS              | PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG  |
| (4)   | Railway and Road Traffic Police Department | The traffic police Division  |
| (5)   | HÀ NỘI                                     | TÊN ĐỊA PHƯƠNG   |
| (6)   | CỤC TRƯỞNG                                 | TRƯỞNG PHÒNG   |
| <p><i>Chứng nhận đăng ký máy kéo kích thước 100 x 70 mm được in trên nền giấy màu xanh, hoa văn hình Công an hiệu</i></p> |  |  |

Mẫu số 13

(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA  
ngày 12/10/2010 của Bộ Công an)**CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÔTÔ, XE MÁY**Sử dụng trong khu kinh tế thương mại đặc biệt theo quy định của Chính phủ  
(nền màu trắng vân hồng, chữ màu đen, in trên nền hoa văn hình Công an hiệu)

1. Mặt trước

100 mm

|  |       |
|--|-------|
| <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/>Socialist Republic of Vietnam</p> <p>..... (1) .....</p> <p>..... (2) .....</p> <p>..... (3) .....</p> <p>..... (4) .....</p> <p><b>CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE<br/>MÔTÔ, XE MÁY</b><br/>Motorbike Registration Certificate<br/>Có giá trị sử dụng trong...(7).....<br/>(Only validity in ....(7).....)<br/>Số (Number):</p> <p>Mẫu số 13<br/>(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA<br/>ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an)</p> | 70 mm |
|--|-------|

2. Mặt sau:

100 mm

|  |   |
|--|---|
| Tên chủ xe ( <i>Owner's full name</i> ):         | Số máy ( <i>Engine N<sup>o</sup></i> ):       |
| Địa chỉ ( <i>Address</i> ):                      | Số khung ( <i>Chassis N<sup>o</sup></i> ):    |
| Nhãn hiệu ( <i>Brand</i> ):                      | Số loại:                                      |
| Loại xe ( <i>Type</i> ):                         | ( <i>Model code</i> )                         |
| Màu sơn ( <i>Color</i> ):                        | Dung tích:                                    |
| Số người được phép chở:                          | ( <i>Capacity</i> )                           |
| ( <i>Seat capacity</i> )                         | .....(5)....., ngày ( <i>date</i> ) tháng năm |
| Biển số đăng ký<br>( <i>N<sup>o</sup>Plate</i> ) | .....(6).....                                 |
| Đăng ký lần đầu ngày:.....                       |   |
| <i>Date of first registration</i>                |   |

70 mm

**Ghi chú:** Ký hiệu trong mẫu:

|     |  |
|-----|--|
| (1) | CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ + TÊN ĐỊA PHƯƠNG   |
| (2) | Tên địa phương + Province's Public security<br>(Tên địa phương + city's Public security) |
| (3) | PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG  |
| (4) | The traffic police Division  |
| (5) | TÊN ĐỊA PHƯƠNG   |
| (6) | TRƯỞNG PHÒNG   |
| (7) | TÊN ĐỊA DANH CỦA KHU KINH TẾ ĐẶC BIỆT  |

Mẫu số 14  
(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA  
ngày 12/10/2010 của Bộ Công an)

### CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE ÔTÔ

Sử dụng trong khu kinh tế thương mại đặc biệt theo quy định của Chính phủ  
(nền màu trắng vân hồng, chữ màu đen, in trên nền hoa văn hình Công an hiệu)

1. Mặt trước

100 mm

|  |       |
|--|-------|
| <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/>Socialist Republic of Vietnam</p> <p>..... (1) .....</p> <p>..... (2) .....</p> <p>..... (3) .....</p> <p>..... (4) .....</p> <p><b>CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE ÔTÔ</b><br/>Car Registration Certificate<br/>(Có giá trị sử dụng trong....(7).....)<br/>(Only validity in ....(7)....)</p> <p>Số (Number):</p> <p>Mẫu số 14<br/>(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA<br/>ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an)</p> | 80 mm |
|--|-------|

2. Mặt sau:

100 mm

|  |       |
|--|-------|
| <p>Tên chủ xe (Owner's full name):</p> <p>Địa chỉ (Address):</p> <p>Nhãn hiệu (Brand):</p> <p>Loại xe (Type):</p> <p>Màu sơn (Color):</p> <p>Năm sản xuất (Year of manufacture):</p> <p>Kích thước bao: -Dài (Length): m; Rộng (Width): m; Cao (Height): m</p> <p>Overall dimension</p> <p>Kích thước thùng:- Dài (Length): m; Rộng (Width): m; Cao (Height): m</p> <p>Tải trọng: Hàng hóa: kg; số chỗ ngồi (Sit): đứng (Stand): nằm (Lie):</p> <p>Kích cỡ lốp trước/sau (tire size):</p> <p>Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm</p> <p>Valid until date</p> <p>Biển số đăng ký (N<sup>o</sup>Plate) .....(5)...., ngày (date) tháng năm</p> <p>.....(6).....</p> <p>Đăng ký lần đầu ngày:</p> <p>Date of first registration</p> <p>.....</p> | 80 mm |
|--|-------|

**Ghi chú:** Ký hiệu trong mẫu:

|     | <b>Ở ĐỊA PHƯƠNG</b>  |
|-----|--|
| (1) | CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ + TÊN ĐỊA PHƯƠNG   |
| (2) | Tên địa phương + Province's Public security<br>(Tên địa phương + city's Public security) |
| (3) | PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG  |
| (4) | The traffic police Division  |
| (5) | TÊN ĐỊA PHƯƠNG   |
| (6) | TRƯỞNG PHÒNG   |
| (7) | TÊN ĐỊA DANH CỦA KHU KINH TẾ ĐẶC BIỆT  |

Mẫu số 15

(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA  
ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an)**CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ RƠMOỐC, SƠMI RƠMOỐC**Sử dụng trong khu kinh tế thương mại đặc biệt theo quy định của Chính phủ  
(nền màu trắng vân hồng, chữ màu đen, in trên nền hoa văn hình Công an hiệu)

1. Mặt trước

100 mm

|   |       |
|---|-------|
| <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/>Socialist Republic of Vietnam</p> <p>..... (1) .....</p> <p>..... (2) .....</p> <p>..... (3) .....</p> <p>..... (4) .....</p> <p><b>CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ RƠMOỐC</b><br/><b>SƠMI RƠMOỐC</b></p> <p>Towed vehicle registration certificate<br/>(Trailer+Semi-trailer)</p> <p>Có giá trị sử dụng trong...(7)...<br/>(Only validity in ...(7)...)</p> <p>Số (Number):</p> <p>Mẫu số 15<br/>(BH kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCA<br/>ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an)</p> | 70 mm |
|---|-------|

2. Mặt sau:

100 mm

|  |  |       |
|--|--|-------|
| Tên chủ xe (Owner's full name):          | Số khung (Chassis N <sup>o</sup> ):                | 70 mm |
| Địa chỉ (Address):                       | Năm sản xuất (Year of manufacture):                |       |
| Nhãn hiệu (Brand):                       | Màu sơn (Color):                                   |       |
| Số loại (Model code)                     |  |       |
| Kích thước bao: - Dài (Length): m        |  |       |
| (Overall dimension) - Rộng (Width): m    |  |       |
| - Cao (Height): m                        |  |       |
| Tải trọng: kg                            |  |       |
| (Gross weight)                           |  |       |
| Kích cỡ lốp trước/sau (Tire size):       |  |       |
| Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm |  |       |
| Valid until date                         |  |       |
| Biển số đăng ký (N <sup>o</sup> Plate)   | ...(5)....., ngày (date) tháng năm<br>.....(6).... |       |
| Đăng ký lần đầu ngày:.....               |  |       |
| Date of first registration               |  |       |

**Ghi chú:** Ký hiệu trong mẫu:

|     |  |
|-----|--|
| (1) | CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ + TÊN ĐỊA PHƯƠNG   |
| (2) | Tên địa phương + Province's Public security<br>(Tên địa phương + city's Public security) |
| (3) | PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG  |
| (4) | The traffic police Division  |
| (5) | TÊN ĐỊA PHƯƠNG   |
| (6) | TRƯỞNG PHÒNG   |
| (7) | TÊN KHU KINH TẾ ĐẶC BIỆT   |